

TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH

NHÓM: SINH HỌC

BỒ TRỢ KIẾN THỨC SINH HỌC

A. MÔN SINH HỌC 7:

1. Bài 4: Trùng roi

a. Cấu tạo:

- Là 1 đơn bào, kích thước hiển vi, hình thoi, có một roi dài.
- Tế bào gồm: màng , nhân, chất nguyên sinh, điểm mắt, hạt diệp lục, hạt dự trữ, không bào co bóp.

b. Di chuyển: Nhờ roi xoáy vào nước → vừa tiến vừa xoay.

c. Tính hướng sáng: luôn hướng về ánh sáng nhờ roi và điểm mắt.

2. Bài 12: Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung ngành giun dẹp

- Giun dẹp dù sống tự do hay sống kí sinh đều có chung các đặc điểm sau:
 - + Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên.
 - + Phân biệt đầu, đuôi, lưng ,bụng.
 - + Ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn.
- Phần lớn giun dẹp sống kí sinh còn có thêm đặc điểm:
 - + Giác bám, cơ quan sinh dục phát triển.
 - + Ấu trùng phát triển qua các vật chủ trung gian.

3. Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung ngành giun tròn

- Cơ thể hình trụ, thường thuôn hai đầu.
- Có khoang cơ thể chưa chính thức.
- Cơ quan tiêu hoá bắt đầu từ miệng và kết thúc ở hậu môn.
- Phần lớn sống kí sinh, một số nhỏ sống tự do.

4. Bài 15: Giun đất

CẤU TẠO TRONG

1/ Tiêu hoá: Phân hoá, gồm:

Lỗ miệng → hầu → thực quản → điều → dạ dày cơ → ruột tịt → ruột.

2/ Tuần hoàn: kín; gồm mạch lưng, mạch bụng, mạch vòng vùng hầu (tim đơn giản).

3/ Hô hấp: Qua da.

4/ Thần kinh: dạng chuỗi hạch; gồm: hạch não, chuỗi hạch bụng.

5. Bài 16: Một số giun đốt khác và đặc điểm chung ngành giun đốt.

ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

- Cơ thể phân đốt, có thể xoang.
- Ống tiêu hoá phân hoá, bắt đầu có hệ tuần hoàn.
- Di chuyển nhờ chi bên, tơ hay hệ cơ của thành cơ thể.
- Hô hấp qua da hay qua mang.

6. Bài 31: Cấu tạo trong của cá chép.

Các cơ quan dinh dưỡng:

Tiêu hóa:

a. Ống tiêu hóa : Miệng → hầu → thực quản → dạ dày → ruột → hậu môn.

b. Tuyến tiêu hóa : gồm tuyến tụy, tuyến gan.

Hệ tuần hoàn:

- Tim 2 ngăn : 1 tâm nhĩ , 1 tâm thất.
- Có 1 vòng tuần hoàn.
- Máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

Hệ hô hấp:

- Hô hấp qua mang.
- Trên mang có nhiều mao mạch máu → trao đổi khí.

Bài tiết: Thận giữa → lọc chất độc trong máu.

Sinh sản:

- Cá đực: có 2 dải tinh hoàn

- Cá cái: có 2 buồng trứng phát triển trong mùa sinh sản

Hệ thần kinh và giác quan:

Hệ thần kinh:

- Hệ thần kinh hình ống, nằm ở mặt lưng.
- Gồm bộ não, tủy sống và dây thần kinh.
- Bộ não phân hóa, gồm 5 phần : não trước, não trung gian, não giữa, tiểu não, hành tủy.
Trong đó có hành khứu giác, thùy thị giác và tiểu não phát triển hơn cả.

Giác quan: quan trọng là mắt, mũi và cơ quan đường bên.

7. Bài 39: Cấu tạo trong của thằn lằn.

***Bộ xương:**

- Tương tự ếch đồng về cơ bản nhưng có một số điểm khác biệt.
- Bộ xương gồm:
 - Xương đầu.
 - Xương chi: gồm xương đai và các xương chi.
 - Có nhiều đốt sống cổ
 - Cột sống có các xương sườn kết hợp với xương mỏ ác tạo thành lồng ngực.
 - Đốt sống đuôi dài.

*** Các cơ quan dinh dưỡng :**

Tiêu hóa :

- Có sự phân hóa rõ.
- Ruột già có khả năng hấp thụ lại nước → phân đặc.

Hô hấp :

- Thở hoàn toàn bằng phổi, phổi có nhiều vách ngăn.
- Đường dẫn khí: mũi → khí quản → hai phế quản
- Sự trao đổi khí được thực hiện nhờ sự co giãn của các cơ liên sườn.

Tuần hoàn :

- Tim 3 ngăn: 2 tâm nhĩ và 1 tâm thất, tâm thất có vách cơ hụt.
- Có 2 vòng tuần hoàn.
- Máu đi nuôi cơ thể là máu pha (nhưng giàu ôxi hơn ếch).

Bài tiết :

- Thận sau hấp thụ lại nước.

- Nước tiểu đặc.

Thần kinh và giác quan:

Bộ não gồm 5 phần. Não trước và tiểu não phát triển liên quan đến đời sống và hoạt động phức tạp.

Giác quan: mắt linh hoạt, có mi thứ 3 → mắt không bị khô.

8. Bài 43: Cấu tạo trong của chim bồ câu.

CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG :

1) Hệ tiêu hóa:

Có thêm điều , dạ dày tuyến, dạ dày cơ, cấu tạo hoàn chỉnh hơn bò sát => tốc độ tiêu hóa cao.

2) Hệ tuần hoàn:

- Tim 4 ngăn (2 tâm nhĩ, 2 tâm thất).
- Có 2 vòng tuần hoàn.
- Máu nuôi cơ thể là máu đỏ tươi => phù hợp với sự trao đổi chất mạnh ở chim(đời sống bay).

3) Hệ hô hấp:

- Phổi gồm mạng ống khí dày đặc.
- Có thêm hệ thống túi khí(9 túi khí) thông với phổi => hô hấp khi bay.

4) Hệ bài tiết:

Có thận sau, không có bóng đái, nước tiểu đặc thải cùng với phân.

5) Hệ sinh dục:

Chim trống : có 1 đôi tinh hoàn , 2 ống dẫn tinh

Chim mái chỉ có 1 buồng trứng và ống dẫn trứng bên trái phát triển.

HỆ THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN:

- Bộ não: não trước, não giữa, tiểu não phát triển hơn bò sát.
- Não chim phát triển liên quan đến nhiều hoạt động phức tạp.
- Giác quan: mắt rất tinh, tai thính.

9. Bài 47: Cấu tạo trong của Thỏ.

BỘ XƯƠNG VÀ HỆ CƠ:

1. Bộ xương:

- Gồm nhiều xương khớp với nhau.
- Chức năng: định hình, nâng đỡ, bảo vệ và vận động.

2. Hệ cơ:

- Cơ bám vào xương, co dẫn giúp di chuyển.
- Xuất hiện cơ hoành → tham gia hô hấp.

CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG:

1. Tiêu hóa:

Cấu tạo thích nghi với đời sống gặm nhấm cây cỏ, củ...

- Răng cửa cong, sắc và mọc dài thường xuyên.
- Thiếu răng nanh, răng hàm kiểu nghiền.
- Ruột dài, manh tràng phát triển(tiêu hóa xenlulôzơ)

2. Tuần hoàn

- Hệ tuần hoàn giống chim: Tim 4 ngăn, có 2 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

3. Hô hấp :

- Phổi có nhiều túi phổi → tăng diện tích trao đổi khí.
- Sự trao đổi khí ở phổi thực hiện được nhờ sự co dãn các cơ liên sườn và cơ hoành

4. Bài tiết: thận sau có cấu tạo hoàn thiện nhất.

THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN:

Não trước và tiểu não (não sau) phát triển liên quan đến hoạt động phong phú và phức tạp ở thỏ.

B. MÔN SINH HỌC 8.

1. Bài 9: Cấu tạo và tính chất của cơ.

Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ:

1. Cấu tạo bắp cơ:

- Bao ngoài bắp cơ là màng liên kết. Hai đầu bắp cơ có gân bám vào các xương. Phần giữa phình to là bụng cơ.
- Bắp cơ gồm nhiều bó cơ, mỗi bó cơ gồm nhiều tế bào cơ (Sợi cơ)

2. Tế bào cơ (sợi cơ)

- Sợi cơ gồm nhiều tơ cơ.
- Tơ cơ có 2 loại: tơ cơ mảnh và tơ cơ dày xếp xen kẽ nhau theo chiều dọc.
- + Tơ cơ dày: có mấu sinh chất

+ Tư cơ mạnh: tron

2. Bài 11: Tiến hóa của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động.

Sự tiến hóa của hệ cơ người so với hệ cơ thú:

- ✚ Hệ cơ người có nhiều điểm tiến hóa:
 - Cơ mông, cơ đùi, cơ bắp chân phát triển.
 - Cơ vận động cánh tay, cẳng tay, bàn tay, và cơ động ngón cái phát triển giúp người có khả năng lao động.

3. Bài 22: Vệ sinh hô hấp.

Cần bảo vệ hô hấp khỏi các tác nhân có hại:

1. Các tác nhân gây hại đường hô hấp:

- Bụi
- Khí thải: xe máy, ô tô, nhà máy, sinh hoạt, công nghiệp...
- Chất độc hại: nicotin (trong khói thuốc lá),...
- Các vi sinh vật gây bệnh.

⇒ **Các bệnh về đường hô hấp thường gặp:** viêm mũi, viêm tuyến V.A, viêm amidan, viêm họng hạt, viêm phổi, viêm phế quản, lao phổi.

2. Các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân gây hại:

- Trồng nhiều cây xanh.
- Không xả rác, khạc nhổ bừa bãi.
- Không hút thuốc lá.
- Đeo khẩu trang chống bụi khi làm vệ sinh hay khi hoạt động ở môi trường nhiều bụi.
- Nơi làm việc, nơi ở đủ nắng và thoáng mát.
- Hạn chế sử dụng các thiết bị thải ra các khí độc hại.
- Thường xuyên dọn vệ sinh nơi ở, nơi công cộng.
- Tuyên truyền mọi người cùng bảo vệ môi trường.

Các biện pháp luyện tập để có hệ hô hấp khỏe mạnh:

- Luyện tập thể dục thể thao phối hợp tập thở sâu và giảm nhịp thở thường xuyên từ bé.

4. Bài 30: Vệ sinh tiêu hóa.

Các tác nhân có hại cho hệ tiêu hóa:

- Các vi sinh vật gây bệnh
- Các chất độc hại có trong thức ăn, đồ uống
- Khẩu phần ăn không hợp lý
- Ăn uống không đúng cách.

Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả:

- Ăn uống hợp vệ sinh
- Khẩu phần ăn hợp lý
- Ăn uống đúng cách: ăn chậm, nhai kỹ, ăn đúng giờ, đúng bữa
- Tinh thần vui vẻ, thoải mái tránh căng thẳng khi ăn
- Vệ sinh răng miệng sau khi ăn
- Nghỉ ngơi sau khi ăn.

5. Bài 40: Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu.

Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu:

- Tác nhân: Các vi khuẩn gây bệnh; chất độc trong thức ăn, đồ uống; khẩu phần ăn uống không hợp lý.
- Một số bệnh về thận và đường tiết niệu: viêm cầu thận, suy thận, sỏi thận, viêm đường tiết niệu... (*có trong chuẩn kiến thức*)

Cần xây dựng các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh tác nhân có hại:

- Thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể, cũng như hệ bài tiết nước tiểu → hạn chế vi sinh vật gây bệnh đường tiết niệu.
- Khẩu phần ăn uống hợp lý:
 - + Không ăn quá nhiều prôtêin, nhiều chất tạo sỏi...
 - + Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm chất độc hại, uống đủ nước.
- ⇒ để thận không làm việc quá sức, hạn chế tác hại của chất độc, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lọc máu.
- Đi tiểu đúng lúc → để quá trình tạo nước tiểu được liên tục, hạn chế tạo sỏi.